TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 01 - 2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Trần Thị Đổi

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1157/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về *"Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Bạch T, sinh năm 1975. Địa chỉ HKTT: Ấp H, xã A, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2022 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án do nguyên đơn bà Trần Thị Bạch T trình bày như sau:

Về tình trạng hôn nhân: bà và ông D trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng và tiến đến hôn nhân vào năm 1994. Cả hai người không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Bà và ông D đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Nay bà kiên quyết xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: hai người có hai con chung tên Phạm Văn Đ sinh năm 1995 và Phạm Bé Đ sinh năm 1999 (cả hai đã trưởng thành).

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác. Đồng thời bà xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Phạm Văn D trình bày: Thống nhất tình trạng hôn nhân giữa ông và bà T như bà T trình bày là đúng. Ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Về con chung có hai đứa đã trưởng thành như bà T nêu là đúng. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Ông xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bạch T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Ly hôn*" là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn ông Phạm Văn D có địa chỉ tạm trú tại ấp An Hòa, xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng, phạm vi giải quyết.

Bà Trần Thị Bạch T khởi kiện được xác định là nguyên đơn, ông Phạm Văn D được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Xét xử vắng mặt: bà T và ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà T xác định không có đăng ký kết hôn với bà D và có con chung. Chứng cứ là giấy khai sinh các con.

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình trạng hôn nhân: Xét hôn nhân giữa bà Trần Thị Bạch T và ông Phạm Văn D nêu trên cơ sở tự nguyện không có đăng ký kết hôn nên không phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 5/2022 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Tú và bà Thi đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần tuyên bà T và ông D không phải là quan hệ vợ chồng.

[2.2] Đối với con chung: bà T và ông D có hai con chung tên Phạm Văn Đc sinh năm 1995 và Phạm Bé Thảo sinh năm 1999 (cả hai đã trưởng thành). Khi không công nhận bà T và ông D là quan hệ vợ chồng không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: bà T và ông D khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.*Về hôn nhân*: Không công nhận bà Trần Thị Bạch T và ông Phạm Văn D là quan hệ vợ chồng.

2.*Về con chung*: Bà T và ông D có hai con chung tên Phạm Văn Đ sinh năm 1995 và Phạm Bé Th sinh năm 1999 (cả hai đã trưởng thành).

3. *Về tài sản:* không có

4. *Về nợ chung:* không có

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà T đã nộp theo biên lai số 0007381 ngày 24/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Như vậy bà T đã nộp xong.

6. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-UBND xã An Ninh Tây;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy